TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2026/DS-ST
Ngày 19-3-2026
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Cường;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 769/2025/TLST-DS ngày 07/11/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-DS ngày 30/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2026/QĐST-DS ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1987; thường trú: 77 H, tổ A, phường N, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên hệ: 144 bis N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức Công B, sinh năm 2004; địa chỉ: Khu dân cư E, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2025). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Slển Lìn P, sinh năm 1985; thường trú: Ấp D, xã P, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: 49/A37, tổ A, đường N, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH L; địa chỉ: D, tổ A, đường N, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Slển Lìn P, chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Như T trình bày:

Ông T và ông Slển Lìn P có mối quan hệ bạn bè quen biết ngoài xã hội. Ông T là nhân viên của Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Công ty T1), còn Công ty TNHH L do ông P làm đại diện theo pháp luật (sau đây gọi tắt là Công ty L) là đơn vị cung cấp hàng hóa cho Công ty T1. Trong quá trình làm ăn do cần thêm vốn nên ông P đề nghị ông T góp vốn vào Công ty L, lợi nhuận chia đôi. Ông T đồng ý.

Ngày 01/3/2024, ông T ký hợp đồng góp vốn số 01-HĐCN/01/03/24 với Công ty L, theo đó ông T đồng ý góp số tiền 200.000.000 đồng và ông T đã góp đủ số tiền nêu trên cho Công ty. Theo thỏa thuận, 04 tháng một lần ông T sẽ được ông P và Công ty L chia lợi nhuận. Tuy nhiên, kể từ thời điểm ông T góp tiền cho đến tháng 12/2024, Công ty L không thông báo cho ông T về tình hình kinh doanh của công ty cũng như phân chia lợi nhuận cho ông T. Vì vậy, ngày 25/12/2024 ông T và ông P đại diện cho Công ty L đã ngồi lại tính toán với nhau và xác định tổng số tiền gồm tiền gốc và lãi mà Công ty L đang giữ của ông T là 750.000.000 đồng. Do Công ty chưa có tiền để trả lại cho ông T nên ông P đại diện cho Công ty L đã ký Giấy cho vay tiền với ông T có nội dung: "*Bên A (ông T) cho bên B (ông P) vay số tiền 750.000.000 đồng, lãi suất 15%/năm, tháng 3/2025 thanh toán gốc trước 200.000.000 đồng, số còn lại thời hạn thanh toán: ngày 30/5/2025*". Giấy vay tiền do ông Phu K, có đóng dấu của Công ty L.

Mặc dù đã ký Giấy vay tiền nhưng đến hạn thì ông P và Công ty L cũng không thanh toán tiền cho ông T đúng hạn cam kết. Đến cuối tháng 6/2025 thì ông P mới thanh toán cho ông T nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của ông P và đưa tiền mặt với tổng số tiền 240.000.000 đồng, còn lại 510.000.000 đồng vẫn chưa trả cho ông T. Ông Nguyễn Như T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông P và Công ty L đều không thực hiện, luôn né tránh, không nhận điện thoại của ông T.

Việc ông P và Công ty L không trả nợ đúng hạn đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Slển Lìn P và Công ty L liên đới trả số tiền nợ gốc 510.000.000 đồng;

- Buộc ông Slển Lìn P và Công ty L liên đới trả số tiền lãi trên số nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tạm tính từ ngày 25/12/2024 đến ngày 30/5/2025 là 05 tháng 05 ngày, cụ thể: 510.000.000 đồng x 15% x 05 tháng 05 ngày = 48.435.000 đồng;

- Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, ông Slển Lìn P và Công ty L liên đới trả số tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/11/2025 là 04 tháng, cụ thể: (510.000.000 đồng x (15%x150% = 22,5%))/12 x 04 tháng = 38.250.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi buộc ông Slển Lìn P và Công ty L phải trả cho ông T là 596.685.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/3/2026, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Tòa án Tòa án giải quyết buộc ông Slển Lìn P và Công ty L liên đới trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/7/2025 đến 19/3/2026 là 262 ngày với mức lãi suất là 200.000.000 đồng x (10%/365) x 262 ngày = 36.608.000 đồng. Tổng cộng: 546.608.000 đồng.

- Đối với bị đơn ông Slển Lìn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH L:

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S Lìn Phu và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L để triệu tập những người này lên Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có mặt tại Toà án để có ý kiến, hoặc nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Về nội dung:

Xét Hợp đồng góp vốn số 01-HĐCN/01/03/24 ngày 31/3/2024 được ký kết giữa ông Nguyễn Như T và Công ty TNHH L là sự thoả thuận tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên có giá trị pháp lý, các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty TNHH L không có khả năng hoàn trả vốn góp và lợi nhuận cho ông T nên các bên đã lập giấy vay tiền ngày 25/12/2024 do ông S Lìn Phu ký, xác nhận khoản tiền 750.000.000 đồng là khoản vay từ ông Nguyễn Như T, sau đó ông P đã trả cho ông T tổng số tiền 240.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của ông P và tiền mặt từ ông P. Như vậy, có cơ sở xác định việc lập giấy vay tiền nêu trên là sự thỏa thuận lại giữa các bên, thể hiện ý chí chuyển đổi quan hệ pháp luật từ góp vốn sang quan hệ vay tài sản, làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả tiền vay theo quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình tố tụng cho đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không có ý kiến về

số tiền nợ vay, xem như bị đơn đã từ chối chứng minh cho quyền lợi của mình. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán số nợ gốc nêu trên là phù hợp.

Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là có căn cứ. Tại Giấy cho vay tiền ngày 25/12/2024, các bên thỏa thuận mức lãi suất là 15%/năm, tuy nhiên, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán mức lãi suất 10%/năm, đây là ý chí tự định đoạt của đương sự, phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù ban đầu giữa ông Nguyễn Như T và Công ty TNHH L tồn tại quan hệ góp vốn, nhưng sau đó các bên đã lập giấy vay tiền do ông S Lìn Phu ký, xác nhận khoản tiền 750.000.000 đồng là khoản tiền vay từ ông T. Việc xác lập giấy vay tiền nêu trên thể hiện ý chí của các bên về việc thay đổi nội dung giao dịch ban đầu, chuyển từ quan hệ góp vốn sang quan hệ vay tài sản, làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả tiền vay. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Slển Lìn P và Công ty TNHH L có cư trú tại địa chỉ: D, tổ A, đường N, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà, bị đơn ông Slển Lìn P và người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH L vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Slển Lìn P và Công ty L liên đới trả tiền gốc:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như T về việc buộc ông Slển Lìn P và Công ty TNHH L liên đới trả số tiền nợ gốc 510.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định giữa ông T với ông Slển Lìn P và Công ty TNHH L đã xác lập giao dịch vay tài sản thông qua giấy vay tiền ngày 25/12/2024 do ông Phu K và được đóng dấu của Công ty L. Ông P là Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L tại thời điểm ký kết.

Nội dung giấy vay tiền thể hiện rõ số tiền vay là 750.000.000 đồng. Sau khi xác lập giao dịch vay, ông Slển Lìn P đã chuyển trả cho ông T nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt với số tiền 240.000.000 đồng, còn lại 510.000.000 đồng. Việc thanh toán này được thực hiện từ tài khoản cá nhân của ông Slển Lìn Phu . Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông P thanh toán số tiền nêu trên là thực hiện nghĩa vụ hoàn toàn thay mặt Công ty L hoặc nguồn tiền thanh toán là của Công ty L. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông P không chỉ tham gia giao dịch với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty L mà còn trực tiếp tham gia với tư cách cá nhân, cùng xác lập và thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với ông T.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như T về việc buộc ông Slển Lìn P và Công ty TNHH L liên đới trả số tiền nợ gốc còn lại là 510.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Slển Lìn P và Công ty L liên đới trả tiền lãi:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 15%/năm và lãi quá hạn với mức 150% lãi suất trong hạn đối với toàn bộ số tiền 510.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản ngày 19/3/2026, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 510.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/7/2025 đến ngày 19/3/2026 (262 ngày), cụ thể: 510.000.000 đồng x 10%/365 ngày x 262 ngày = 36.608.000 đồng (làm tròn). Xét việc thay đổi yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là sự tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, đây là mức lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, không vượt quá giới hạn pháp luật cho phép và có lợi cho bị đơn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đơn; Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy

Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Các Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như T đối với ông Slển Lìn P và Công ty TNHH L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Slển Lìn P và Công ty TNHH L liên đới trả cho ông Nguyễn Như T số tiền 546.608.000 đồng (năm trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng); trong đó: nợ gốc 510.000.000 (năm trăm mười triệu) đồng và nợ lãi 36.608.000 (ba mươi sáu triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông ông Slển Lìn P và Công ty TNHH L phải liên đới chịu 25.852.320 (hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi) đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Như T 13.933.700 (mười ba triệu chín trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0032093 ngày 29/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án .

Trần Thị Thắm